TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25-12-2023
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Giang
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Phúc
Bà Đặng Thị Yến Nhi

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 423/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 385/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị Thúy V, sinh năm 1998
Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre
Chị V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 07/12/2023.

2. Bị đơn: Anh Dương Hoàng M, sinh năm 1996
Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.
Chổ ở hiện nay: Trại giam C, ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre
Anh M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 09/11/2023.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Mai Thị Thúy V có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị trình bày:

Chị và anh Dương Hoàng M kết hôn vào năm 2017, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/3/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Đến năm 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đã sống ly thân từ tháng 12/2021 đến nay. Do xác định tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị và anh M có 02 con chung là Dương Hoàng H, sinh ngày 07/9/2014 và Dương Mai Hoàng N, sinh ngày 26/4/2018, hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, cháu N, chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Dương Hoàng M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng theo bản tự khai anh trình bày:

Anh và chị Mai Thị Thúy V kết hôn vào năm 2017, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/3/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Chị V yêu cầu được ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Dương Hoàng H, sinh ngày 07/9/2014 và Dương Mai Hoàng N, sinh ngày 26/4/2018. Anh đồng ý để chị V được nuôi dưỡng cháu H, cháu N, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Mai Thị Thúy V về việc ly hôn với anh Dương Hoàng M. Về con chung: Giao con chung là cháu Dương Hoàng H, sinh ngày 07/9/2014 và Dương Mai Hoàng N, sinh ngày 26/4/2018 cho chị V nuôi dưỡng. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Mai Thị Thúy V yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Dương Hoàng M, cư trú tại Trại giam C, ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre là vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Chị V và anh M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt chị V, anh M là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị Thúy V và anh Dương Hoàng M kết hôn vào năm 2017, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/3/2017 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Theo đó, chị V cho rằng sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Đến năm 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đã sống ly thân từ đó đến nay. Xét thấy, anh M thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân trong một thời gian dài, mỗi người có một cuộc sống riêng nên anh đồng ý ly hôn với chị V. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh M đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V đối với anh M là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị V và anh M có 02 con chung là cháu Dương Hoàng H, sinh ngày 07/9/2014 và Dương Mai Hoàng N, sinh ngày 26/4/2018. Chị V yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H, cháu N. Xét thấy, cháu H, cháu N đang sinh sống ổn định với chị V. Cháu H có nguyện vọng mong muốn được sống chung với chị V. Hơn nữa, anh M cũng đồng ý để chị V được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung đến khi đủ 18 tuổi. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt của cháu H, cháu N, tránh làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của 02 cháu, cần giao cháu H, cháu N cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Theo quy định trên, chị V là người trực tiếp nuôi con nên chị có quyền yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nhưng chị tự nguyện không yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Mai Thị Thúy V và anh Dương Hoàng M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 147, 227, 228, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Thúy V đối với anh Dương Hoàng M.

Chị Mai Thị Thúy V được ly hôn với anh Dương Hoàng M.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Hoàng H, sinh ngày 07/9/2014 và Dương Mai Hoàng N, sinh ngày 26/4/2018 cho chị Mai Thị Thúy V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H, cháu N đủ 18 tuổi.

Ghi nhận việc chị Mai Thị Thúy V tự nguyện không yêu cầu anh Dương Hoàng M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Anh Dương Hoàng M được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Mai Thị Thúy V và anh Dương Hoàng M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Mai Thị Thúy V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006337 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã T, huyện M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Khắc Giang